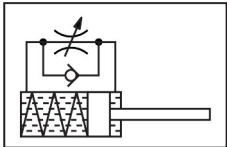


**Bộ giảm chấn**  
**DYSS-3-4-Y1F-F1A-G2**  
Số bộ phận: 8179966

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                          | Giá trị                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                        | 3                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Hành trình                                        | 4 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Đệm                                               | tự điều chỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Vị trí lắp đặt                                    | bất kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Phát hiện vị trí                                  | không có                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Các biến thể                                      | Các kim loại có đồng, kẽm hoặc niken là thành phần chính không được phép sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bảng mạch, dây dẫn, bộ kết nối và cuộn dây.                                                                                   |
| Tốc độ tác động tối đa                            | 1 m/s                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Thời gian phục hồi ở nhiệt độ phòng               | 0.2 s                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Thời gian đặt lại ở nhiệt độ môi trường tối thiểu | 1 s                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Nguyên tắc vận hành                               | nhấn<br>tác động đơn lẻ                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Lớp chống ăn mòn KBK                              | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Tuân thủ LABS                                     | VDMA24364-B2-L                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion               | Sản phẩm tương ứng với định nghĩa sản phẩm nội bộ của Festo để sử dụng trong sản xuất pin: Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, cáp, bộ kết nối và cuộn dây. |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                    | -10 °C...80 °C                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Chiều dài đệm                                     | 4 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Lực tác động tối đa                               | 80 N                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Mô-men xoắn siết tối đa                           | 1 N m                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Mức tiêu thụ năng lượng tối đa cho mỗi hành trình | 0.4 J                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Mức tiêu thụ năng lượng tối đa cho mỗi giờ        | 4500 J                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Năng lượng dư tối đa                              | 0.004 J                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Lực dội lại                                       | 0.4 N                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Lực chèn tối thiểu                                | 3.5 N                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| trọng lượng sản phẩm                              | 3 g                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Phạm vi khối lượng                                | 1 kg                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Kiểu gắn                                          | với đai ốc khóa                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Ghi chú vật liệu                                  | Tuân thủ RoHS                                                                                                                                                                                                                                                                         |

| Đặc tính              | Giá trị          |
|-----------------------|------------------|
| Vật liệu của phốt     | NBR              |
| Vật liệu vỏ           | thép hợp kim cao |
| Vật liệu thanh piston | thép hợp kim     |